

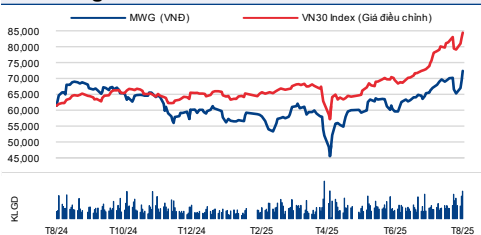
Mua vào

Giá mục tiêu: VND79,600
Tiềm năng tăng/giảm: 9.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (7/8/2025)	72,400
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-72,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	70,275
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	107,075
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,085
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,479
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	725
Slg CP NN được mua (tr.đv)	19.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	47.7%
Tỷ lệ freefloat	60.7%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	134,341	147,306	164,048
EBITDA đc (tỷ đồng)	6,997	8,169	8,736
LNTT (tỷ đồng)	4,826	7,038	8,450
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,722	5,484	6,620
FCF (tỷ đồng)	8,214	4,658	5,099
EPS ĐC (đồng)	2,546	3,724	4,415
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	18,993	21,595	24,833
T.trưởng EBITDA (%)	84.7	16.8	6.94
T.trưởng EPS ĐC (%)	2,121	46.3	18.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.55	5.33
Tỷ suất LNTT (%)	3.59	4.78	5.15
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.77	3.72	4.04
Tỷ lệ LN trả CT (%)	19.6	26.8	22.6
Nợ thuần/VCSH (%)	78.2	66.5	51.1
ROAE (%)	14.6	18.4	19.1
ROACE (%)	14.2	19.0	19.0
EV/doanh thu (lần)	0.95	0.87	0.78
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.2	15.7	14.6
P/E ĐC (lần)	28.4	19.4	16.4
P/B (lần)	3.81	3.35	2.92
Lợi suất cổ tức (%)	0.69	1.38	1.38

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

MWG công bố định hướng chiến lược

- BLĐ MWG cho biết Công ty đang trải qua một quá trình chuyển đổi mang tính chiến lược, chuyển trọng tâm từ phát triển lượng sang chất. BLĐ kỳ vọng doanh thu giai đoạn 2026-2030 sẽ tăng trưởng mạnh và lợi nhuận sẽ tăng nhanh hơn doanh thu.
- Công ty sẽ tiến hành IPO chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX trước năm 2030 và nhằm mục đích khai phóng giá trị và tái định vị. Chuỗi TGDĐ & ĐMX đặt mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2030 cao gấp đôi so với năm 2025 và duy trì mức tăng trưởng hằng năm trên 15%. Trong khi đó, BHX đang bước vào giai đoạn tăng trưởng dựa trên lợi nhuận và đặt mục tiêu doanh thu 10 tỷ USD vào năm 2030.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% trong 3 tháng qua, MWG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,8 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 20 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Đối thoại chiến lược

Sáng ngày 8/8/2025, tại sự kiện của MWG tổ chức, HĐQT và BLĐ của Công ty chia sẻ tầm nhìn, định hướng chiến lược và các động lực tăng trưởng mới, đồng thời tham gia thảo luận với các đối tác chủ chốt.

Thay đổi chiến lược: Từ “số lượng” sang “chất lượng”

Sau giai đoạn tái cấu trúc trong năm 2023–2024, với việc đóng cửa các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả và tinh gọn bộ máy nhân sự, MWG đang trải qua một quá trình chuyển đổi chiến lược, chuyển trọng tâm từ phát triển dựa trên mở rộng số lượng cửa hàng sang tăng trưởng dựa trên chất lượng. BLĐ tin rằng từ năm 2026 đến năm 2030, doanh thu sẽ tăng trưởng hai chữ số và lợi nhuận sẽ tăng trưởng nhanh hơn doanh thu.

Chiến lược của chuỗi TGDĐ & ĐMX

Môi trường kinh doanh đang thay đổi mang lại cơ hội tăng trưởng mới cho chuỗi TGDĐ & ĐMX. Công ty dự báo thị trường hàng công nghệ của Việt Nam sẽ tăng trưởng với tốc độ kép 5 năm ở mức 8,2% mỗi năm, đạt 15 tỷ USD vào năm 2030. Các kênh bán lẻ hiện đại vẫn còn dư địa để giành thêm thị phần từ các nhà bán lẻ truyền thống, vốn hiện chiếm 20% thị trường. Đà tăng trưởng này dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi các xu hướng tiêu dùng mới nổi do thế hệ Gen Y và Z dẫn dắt, nhu cầu ngày càng tăng đối với các công nghệ mới như AI, 5G, thiết bị nhà thông minh và Windows 11, cũng như sự mở rộng nhanh chóng của thương mại điện tử, vốn vẫn còn thiếu dịch vụ hậu mãi, logistics chưa hoàn thiện và niềm tin của người tiêu dùng. Ngoài ra, những thay đổi về mặt chính sách nhằm hạn chế tình trạng buôn lậu, hàng giả và không nộp thuế sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng hơn, có lợi cho các nhà bán lẻ chính thống và tuân thủ quy định như MWG.

Các động lực tăng trưởng chính của chuỗi TGDĐ & ĐMX từ năm 2026 đến 2030

1. Tăng trưởng dựa trên chất lượng

- Không còn tập trung cạnh tranh về giá, chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX đang chú trọng vào sự tin cậy, tốc độ phục vụ, trải nghiệm của khách hàng và dịch vụ cao cấp.
- Sản phẩm độc quyền, mô hình dựa trên khuyến mãi & tư duy của chủ doanh nghiệp, cùng văn hóa dịch vụ mới lấy khách hàng làm trung tâm.
- "Tinh thần Familyship" với các đối tác.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/8.

(Xem tiếp trang 2)

2. Dịch vụ trọn đời sản phẩm

Chuỗi TGDD & ĐMX đã chuyển đổi từ hoạt động bán lẻ thuần túy bán giải pháp trọn đời sản phẩm, bao gồm mua hàng, sử dụng, bảo hành, tài chính (trả góp/mua trước trả sau) và nâng cấp sản phẩm. Các cửa hàng hoạt động như các điểm cung cấp dịch vụ tài chính cho việc thanh toán hóa đơn, chuyển tiền, nạp và rút tiền mặt.

Mô hình này thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, sự gắn kết của khách hàng và lưu lượng truy cập, tạo sự khác biệt cho chuỗi TGDD & ĐMX so với các đối thủ cạnh tranh.

3. Siêu ứng dụng

Ứng dụng khách hàng thân thiết đã được phát triển thành siêu ứng dụng hoàn chỉnh, tích hợp AI và CRM để đưa ra các ưu đãi cá nhân hóa, ưu đãi về tài chính và thanh toán hóa đơn, với tính năng hỗ trợ giao hàng offline thông qua hệ thống hơn 3.000 cửa hàng. Ứng dụng này đóng vai trò quan trọng trong việc giữ chân khách hàng và tạo ra các dòng doanh thu mới (doanh thu bán hàng qua ứng dụng đạt 7-8 nghìn tỷ đồng từ đầu năm đến nay).

4. Mô hình ở nước ngoài

Liên doanh Era Blue (với khoảng 200 cửa hàng) đã bắt đầu có lợi nhuận trong Q4/2024 và đang đẩy mạnh mở rộng hệ thống cửa hàng. Công ty đang cân nhắc tiến hành IPO ở nước ngoài cho liên doanh này.

Chuỗi TGDD & ĐMX sẽ IPO vào năm 2030, nhưng thời gian cụ thể vẫn chưa được xác định

Việc IPO không phải để huy động vốn, mà để khai phóng giá trị và tái định vị chuỗi TGDD & ĐMX như một nền tảng tiêu dùng của khu vực có khả năng sinh lời và có quy mô lớn. Chuỗi TGDD & ĐMX đặt mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2030 bằng gấp đôi so với năm 2025 và duy trì mức tăng trưởng hằng năm trên 15% trong 5 năm tới.

Bách Hóa Xanh: Doanh thu 10 tỷ USD vào năm 2030

Bách Hóa Xanh đã tìm ra công thức sinh lời và đang bước vào giai đoạn tăng trưởng dựa trên lợi nhuận. Chuỗi đặt mục tiêu 10 tỷ USD doanh thu vào năm 2030, tận dụng thị trường hàng tạp hóa 60 tỷ USD của Việt Nam và xu hướng thay đổi hành vi tiêu dùng hướng đến kênh mua hàng hiện đại, đáng tin cậy, an toàn và tiện lợi.

Các định hướng chiến lược của Bách Hóa Xanh từ năm 2026 đến 2030 bao gồm:

- (1) Thúc đẩy doanh thu bằng cách mở cửa hàng mới và phát triển các kênh bán hàng online và tăng doanh thu tại các cửa hàng hiện có.
- (2) Tập trung vào việc đảm bảo an toàn thực phẩm bằng cách hợp tác với các nhà cung cấp hàng đầu.
- (3) Cải thiện lợi nhuận thông qua việc đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa hoạt động và tinh thần "Familyship".

Chúng tôi đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

Quan điểm của HSC: Chúng tôi vẫn giữ nguyên quan điểm triển vọng tích cực đối với các mảng kinh doanh cốt lõi của MWG. Chuỗi TGDD & ĐMX đang có vị thế tốt để đạt tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số trong những năm tới, nhờ giành thêm thị phần, tạo ra thêm nhu cầu và cơ cấu chi phí được tinh gọn. Trong khi đó, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận BHX sẽ tăng mạnh hơn từ năm sau nhờ áp dụng công thức kinh doanh đúng hướng.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% trong 3 tháng qua, MWG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,8 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 20 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,280	134,341	147,306	164,048	182,571
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	29,742	33,501	37,688
Chi phí BH&QL	(22,114)	(23,416)	(24,004)	(26,838)	(30,156)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(44.6)	18.6	69.1	142
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(328)	(401)	(131)	0	0
LNTT	690	4,826	7,038	8,450	9,673
Chi phí thuế TNDN	(522)	(1,092)	(1,528)	(1,788)	(2,018)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.16)	(11.4)	(25.6)	(42.4)	(55.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	168	3,722	5,484	6,620	7,600
Lợi nhuận thuần ĐC	168	3,722	5,484	6,620	7,600
EBITDA ĐC	3,788	6,997	8,169	8,736	9,313
EPS (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
EPS ĐC (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
DPS (đồng)	0	500	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,463	1,462	1,472	1,499	1,522
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	32,524	36,524	40,524
Phải thu khách hàng	5,159	8,764	9,648	9,955	11,295
Hàng tồn kho	21,824	22,245	23,565	25,075	26,745
Các tài sản ngắn hạn khác	661	544	583	641	705
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	72,481	80,555	90,456
TSCĐ hữu hình	6,431	3,523	2,248	1,453	987
TSCĐ vô hình	68.8	63.5	63.9	64.2	64.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	460	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	287	242	245	245	245
Tài sản dài hạn khác	914	616	794	817	864
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	3,351	2,579	2,161
Tổng cộng tài sản	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
Nợ ngắn hạn	19,129	27,300	27,300	27,300	28,300
Phải trả người bán	7,927	9,138	10,076	11,270	12,591
Nợ ngắn hạn khác	3,199	5,034	5,439	6,084	6,797
Tổng nợ ngắn hạn	30,762	42,097	43,505	45,425	48,550
Nợ dài hạn	5,985	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.17	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	43,505	45,425	48,550
Vốn chủ sở hữu	23,346	27,758	31,937	37,278	43,579
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.4	364	390	432	487
Tổng vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	32,327	37,710	44,066
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
BVPS (đ)	15,964	18,993	21,595	24,833	28,602
Nợ thuần/(tiền mặt)	19,748	21,603	21,141	18,941	17,114

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Khấu hao	(3,381)	(2,913)	(2,432)	(2,074)	(1,781)
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Thuế TNDN đã nộp	(862)	(959)	(1,583)	(1,858)	(2,096)
Thay đổi vốn lưu động	1,836	3,224	155	45.2	51.2
Khác	(1,937)	(1,932)	(2,339)	(2,265)	(2,476)
LCT thuần từ HĐKD	3,436	8,517	5,815	6,377	6,792
Đầu tư TS dài hạn	(523)	(304)	(1,157)	(1,278)	(1,315)
Góp vốn & đầu tư	(34,257)	(46,828)	(5,003)	(4,000)	(5,000)
Thanh lý	22,836	33,813	0	0	0
Khác	1,113	2,376	2,112	2,380	2,648
LCT thuần từ HĐĐT	(10,831)	(10,943)	(4,048)	(2,898)	(3,667)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(731)	(1,479)	(1,501)	(1,524)
Thu từ phát hành CP	(9.34)	1,762	174	222	225
Tăng/giảm nợ	8,440	1,726	0	0	1,000
Khác	-	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,700	2,757	(1,304)	(1,279)	(298)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,061	5,366	5,697	6,160	8,360
LCT thuần trong kỳ	304	332	462	2,200	2,826
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Dòng tiền tự do	2,913	8,214	4,658	5,099	5,477

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.0	20.5	20.2	20.4	20.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.20	5.21	5.55	5.33	5.10
Tỷ suất LNT (%)	0.14	2.77	3.72	4.04	4.16
Thuế TNDN hiện hành (%)	75.7	22.6	21.7	21.2	20.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(11.3)	13.6	9.65	11.4	11.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(63.0)	84.7	16.8	6.94	6.60
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(95.9)	2,120	47.3	20.7	14.8
Tăng trưởng EPS (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	19.6	26.8	22.6	20.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.71	14.6	18.4	19.1	18.8
ROACE (%)	1.38	14.2	19.0	19.0	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.04	2.06	2.02	2.06	2.08
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	8.44	2.09	1.01	0.96	0.90
Số ngày tồn kho	83.2	76.0	73.2	70.1	67.4
Số ngày phải thu	19.7	29.9	30.0	27.8	28.5
Số ngày phải trả	30.2	31.2	31.3	31.5	31.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	85.0	78.2	66.5	51.1	39.6
Nợ/tài sản (%)	41.9	39.0	36.1	33.0	30.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	6.65	3.91	3.35	3.14	3.05
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.69	1.56	1.67	1.77	1.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.06	0.95	0.87	0.78	0.70
EV/EBITDA ĐC (lần)	33.2	18.2	15.7	14.6	13.7
P/E (lần)	632	28.4	19.4	16.4	14.5
P/E ĐC (lần)	632	28.4	19.4	16.4	14.5
P/B (lần)	4.54	3.81	3.35	2.92	2.53
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.69	1.38	1.38	1.38

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn